

Bản án số: 104/2023/DS-PT

Ngày: 31/7/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*
Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 06 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện HA bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Xuân N; cư trú tại: Thôn VP, xã VH, huyện VT, tỉnh BD.

Đại diện hợp pháp của ông Lê Xuân Nhứt: Ông Hồ Thành L; cư trú tại: Thôn TS, xã TT, huyện TS, tỉnh BD và bà Trần Thị T1; cư trú tại: Số 44, đường 24B, phường AP, thành phố TĐ, thành phố HCM là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/08/2022 và 18/7/2023); ông L vắng mặt, bà T có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N: Luật sư Hà Văn T1 hoạt động tại Công ty Luật TNHH SMPL thuộc Đoàn luật sư thành phố HCM; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Th; cư trú tại: Thôn TT 2, xã AT, huyện HA, tỉnh BD; có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Xuân N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, ông Hồ Thành L trình bày:

Ông Lê xuân N có cho bà Nguyễn Thị Thanh Th vay 600.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận, mục đích vay là đáo hạn Ngân hàng. Cụ thể các lần ông N chuyển tiền cho bà Th như sau: Ngày 06/05/2019 chuyển 50.000.000 đồng và ngày 08/05/2019 chuyển 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 ngày. Ngày 16/05/2019 ông N giao cho bà Th 400.000.000 đồng và có viết giấy mượn tiền, thời hạn vay là 03 ngày. Ngày 24/05/2019 ông N có chuyển cho bà Th 02 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, thời hạn vay 03 ngày.

Tổng số tiền ông N cho bà Th vay là 600.000.000 đồng, nhưng bà Th mới trả cho ông N 41.000.000 đồng, còn nợ 559.000.000 đồng và không trả tiền đúng hạn.

Nay ông N yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Th trả cho ông N 559.000.000 đồng tiền gốc và do bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông N yêu cầu bà Th trả nợ gốc và lãi với mức lãi suất theo quy định, thời hạn tính lãi từ ngày 28/05/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu bà Thùy trả cả tiền gốc và tiền lãi làm một lần.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Ông N là anh rể của bà (chồng bà Nguyễn Thị Kim H). Năm 2019 bà làm việc cho Công ty Tc (VPF) tại phường BS, thị xã HN, tỉnh BĐi. Ông N biết bà làm tại Công ty Tài chính nên có thỏa thuận miệng với bà là ông N chuyển tiền cho bà để hùn vốn làm ăn (cho khách hàng vay tiền đáo hạn Ngân hàng), cứ 100.0000.000 đồng thì ông N lấy lãi 1.000.000 đồng/ngày, tiền lãi chia đôi và ông N ghi giấy mượn tiền, nhưng thực tế không phải mượn tiền và hai bên cam kết 01 tháng trả lại vốn, sau đó bà bị vỡ nợ nên không trả tiền cho ông N. Tuy nhiên, bà đã trả cho ông N được 41.000.000 đồng, hiện bà còn nợ ông N 559.000.000 đồng.

Nay bà xin trả dần hàng tháng nợ gốc theo khả năng, về phần lãi là giữa bà và ông N có thỏa thuận miệng khi có khách hàng làm đáo hạn Ngân hàng thì mới ăn chia nên bà không đồng ý trả lãi cho ông N, ông N ghi là giấy mượn tiền chứ không có tính lãi. Nếu ông N yêu cầu tính lãi, bà yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định, thời hạn tính lãi suất tính từ ngày ông N khởi kiện 06/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/3/2023.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện HA, tỉnh BĐ đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu trả nợ của ông Lê xuân N.

Chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của ông Lê Xuân N.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th trả cho ông Lê Xuân N 585.600.954 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 04 năm 2023, ông Lê Xuân N kháng cáo một phần bản án về phần tiền lãi, cho rằng cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th phải trả cho ông N 45.390.858 đồng tiền lãi là không đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết:

- Thời gian tính lãi từ ngày 20/05/2019 đến ngày 28/03/2023 là 1.408 ngày.

- Tiền lãi: $559.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times (1.408/365) = 431.272.329 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N thay đổi kháng cáo, yêu cầu HĐXX xem xét thời gian tính lãi từ ngày 25/5/2019 đến tại thời điểm xét xử phúc thẩm ngày 31/7/2023 là 1581 ngày với số tiền lãi là 235.232.797 đồng.

Luật sư Hà Văn T1 trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo bổ sung của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về Tổ tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐX chấp nhận kháng cáo của ông Lê Xuân N. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Xuân N, HĐXX thấy rằng:

[1.1] Tại phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện HA, tỉnh BD đã tuyên: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th trả cho ông Lê Xuân N 605.390.858 đồng. Tuy nhiên, tại Thông báo về việc đính chính bản án số: 445/2023/TB-TA ngày 10/4/2023, cấp sơ thẩm đã sửa đổi như sau: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th trả cho ông Lê Xuân Nhứt 585.600.954 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà cấp sơ thẩm buộc bà Thùy trả cho ông N chỉ là 26.600.954 đồng, chứ không phải là 45.390.858 đồng như ông N đã ghi trong đơn kháng cáo.

[1.2] Về việc tính lãi, lãi suất: Ông N cho bà Th vay làm nhiều lần, tất cả các lần vay đều có thời hạn là 03 ngày và thời hạn trả nợ của lần vay cuối cùng là ngày 27/05/2019. Như vậy, ông N có quyền khởi kiện yêu cầu bà Th trả nợ kể từ ngày 28/05/2019 trở đi cho đến ngày 28/05/2022 nhưng cho đến ngày 10/9/2022 ông Nhứt mới khởi kiện là đã hết thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 157 của Bộ luật dân sự 2015, thì thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại kể từ thời điểm bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện. Trong vụ án này, bà Th đã cung cấp cho Tòa chứng cứ thể hiện đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ cho ông N vào ngày 02/4/2020 nên thời điểm bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc còn lại mà các bên đã thống nhất, là ngày sau ngày bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện 03/4/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 28/3/2023 nên cấp sơ chỉ buộc bà Th

tính lãi trong thời gian từ ngày 06/10/2022 cho đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật. Ông N và bà Th có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng ông Nhứt không cung cấp được mức lãi suất, còn bà Th thì cung cấp lãi suất là 1.000.000 đồng/ngày nên đây là trường hợp không xác định được lãi suất và các bên có tranh chấp về lãi suất nên cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất 8.3%/tháng để tính lãi đối với trường hợp này là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông N, sửa án sơ thẩm về phần thời gian tính lãi, cụ thể: Từ ngày 03/4/2020 đến ngày 28/3/2023 là 35 tháng 25 ngày = 1075 ngày. Lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự 2015 là 8.3%/tháng. Tiền lãi tháng = 559.000.000 đồng x 8.3%/tháng = 4.639.000 đồng x 35 tháng = 162.365.000 đồng. Tiền lãi ngày: 4.639.000 đồng : 30 ngày = 154.657 đồng/ngày x 25 ngày = 3.866.425 đồng. Như vậy, bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nhứt: 162.365.000 đồng + 3.866.425 đồng = 166.231.425 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi là: 559.000.000 đồng + 162.365.000 đồng = 761.365.000 đồng.

[2] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu 34.454.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Xuân N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có một phần phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Ý kiến về việc giải quyết vụ án có một phần không phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 157, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Xuân N. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện HA, tỉnh BD về phần tính tiền lãi.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê xuân N.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Xuân N 761.365.000 đồng (trong đó có 559.000.000 đồng tiền gốc và 162.365.000 đồng tiền lãi).

3. Về án phí:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu 34.454.600 đồng.

- Hoàn trả cho ông Lê Xuân N 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0010753 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HA, tỉnh BÐ.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Lê Xuân N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0010954 ngày 15/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HA, tỉnh BÐ.

4. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện HA;
- CCTHADS huyện HA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

Nguyễn Văn Hiệp

Võ Công Phương